

Số: KH-CĐBP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHOÁ
Lớp: Cao đẳng dược chính quy (26CDCQ.10)

Ngành, nghề đào tạo: Dược

Mã ngành, nghề: 6720201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của giáo dục nghề nghiệp là nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

Đào tạo người Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức rèn luyện và tăng cường sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết về Quốc phòng- An ninh; đạt trình độ bậc 2/6 theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược.

- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam.

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược.

- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu.

- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ

bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu.

- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc.
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế.
- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốt, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm).
- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng.
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm.
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng.
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp.
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi.
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng.
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp.
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý.
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản

xuất, kho thuốc, quầy thuốc.

- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.

- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định

- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định.

- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển.

- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định; - Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định.

- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản.

- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định.

- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân.

- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ.

- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý.

- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định.

- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc.

- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình.

- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định.

- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi.

- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng.

- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao.

- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR).

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược; - Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm – thực phẩm.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất.

- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả.

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm.

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm.

- Đảm bảo chất lượng.

- Bán lẻ thuốc.

- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế.

- Thủ kho dược và vật tư y tế.

- Kinh doanh dược phẩm.

- Sản xuất thuốc.

- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

3. Khóa học: 2026 - 2029

4. Thời gian khóa học: 03 năm từ 9/2026 - 8/2029

5. Thời gian học tập: 32 tuần/ năm; thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn học/ mô đun, thời gian ôn, thi tốt nghiệp 8 tuần/ năm.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2535 giờ/ 117 tín chỉ

- Số lượng môn học, mô đun: 41

- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ/ 19 tín chỉ

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2100 giờ/ 98 tín chỉ

- Khối lượng lý thuyết: 1127 giờ; thực hành, thực tập: 1408 giờ

6. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 12 tuần

7. Quyết định phê duyệt chương trình đào tạo

Quyết định số 302/QĐ-CĐBP, ngày 09/8/2024 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, liên thông ngành Dược.

8. Quyết định tổ chức lớp học

Quyết định số 386/QĐ-CĐBP ngày 05/9/2026 của Hiệu trưởng Cao đẳng Bình Phước về việc thành lập các lớp năm học 2026 - 2027 của Trường Cao đẳng Bình Phước.

PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP TOÀN KHÓA

Mã MH, MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (số bài)		Học kỳ dự kiến
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Định kỳ	Thường xuyên	
HỌC KỲ 1									
MD10-DC	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	45	14	28	3	1	1	1
MD11-DC	Giải phẫu- Sinh lý	3	60	28	28	4	2	2	1
MD13-DC	Thực vật dược	3	60	28	26	6	2	2	1
MD14-DC	Hóa học đại cương - vô cơ	3	60	28	26	6	2	2	1
MD15-DC	Hóa hữu cơ	3	60	28	26	6	2	2	1
MD20-DC	Phát triển kỹ năng cá nhân	2	45	14	28	3	1	1	1
MD7-DC	Xác suất thống kê	2	45	14	28	3	1	1	1
MH1.C	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5	1	1	1
MH12-DC	Đọc viết tên thuốc	2	30	28	0	2	1	1	1
MH6.C	Tiếng Anh	4	120	42	72	6	1	1	1
MH9-DC	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0	2	1	1	1
HỌC KỲ 2									
MD16-DC	Hóa sinh	3	60	28	26	6	2	2	2
MD17-DC	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	26	5	1	1	2
MD21-DC	Dược liệu	5	105	43	56	6	2	2	2
MD22-DC	Hóa phân tích 1	3	60	28	26	6	2	2	2
MD25-DC	Dược lý 1	4	75	43	28	4	2	2	2
MH18-DC	Bệnh học	3	45	43	0	2	1	1	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (số bài)		Học kỳ dự kiến
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Định kỳ	Thường xuyên	
MH2.C	Pháp luật	2	30	18	10	2	1	1	2
MH3.C	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	1	1	2
MH5.C	Tin học	3	75	15	58	2	1	1	2
HỌC KỲ 3									
MH4.C	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4	1	1	3
MD23-DC	Hóa phân tích 2	3	60	28	26	6	2	2	3
MD24-DC	Hóa dược	4	75	43	26	6	2	2	3
MD26-DC	Dược lý 2	4	75	43	28	4	2	2	3
MD29-DC	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc I	4	75	43	26	6	2	2	3
MD8-DC	Thống kê y học	2	45	14	28	3	1	1	3
MH32-DC	Pháp chế Dược	2	30	28	0	2	1	1	3
HỌC KỲ 4									
MD30-DC	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc II	3	60	28	26	6	2	2	4
MD31-DC	Kiểm nghiệm thuốc	4	75	43	26	6	2	2	4
MD34-DC	Quản lý tồn trữ thuốc	2	45	14	28	3	1	1	4
MD35-DC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	15	26	4	1	1	4
MD38-DC	Kỹ năng giao tiếp - bán hàng dược phẩm	2	45	15	26	4	1	1	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (số bài)		Học kỳ dự kiến
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Định kỳ	Thường xuyên	
MH19-DC	Dược xã hội học	2	30	28	0	2	1	1	4
MH33-DC	Tổ chức quản lý dược	3	45	43	0	2	1	1	4
MH36-DC	Kinh tế - Marketing dược	2	30	28	0	2	1	1	4
MH37-DC	Công nghiệp dược	1	15	14	0	1	1	1	4
HỌC KỲ 5									
MD27-DC	Dược lâm sàng	4	75	43	28	4	2	2	5
MD28-DC	Thông tin thuốc - Cảnh giác dược	2	45	15	26	4	1	1	5
MD40-DC	Thực tế cơ sở	2	90	0	80	10	1	1	5
HỌC KỲ 6									
MD39-DC	Sử dụng thuốc	2	45	15	26	4	1	1	6
MD39-DC	Dược học cổ truyền						1	1	6
MD41-DC	Thực tế tốt nghiệp	6	270	0	260	10	1	1	6
Tổng cộng		117	2535	1066	1293	176			

THI TỐT NGHIỆP

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Thi viết hoặc trắc nghiệm	≤ 180 phút
2	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành tổng hợp	4 giờ - 8 giờ

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các phòng, khoa;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- HSSV khoá 26CDCQ.10;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐT

HIỆU TRƯỞNG

Hà Văn Kiên